

Write these words into English.

- | | |
|--------------------|--------------------|
| 1. tuyết | 14. hòn đá |
| 2. thành phố | 15. đang bay |
| 3. bệnh viện | 16. nước ép cam |
| 4. những đám mây | 17. bên trong |
| 5. rừng nhiệt đới | 18. ẩm ướt |
| 6. nông trại | 19. rạp chiếu phim |
| 7. cánh đồng | 20. bên ngoài |
| 8. con cừu | 21. phim ảnh |
| 9. thỉnh thoảng | 22. cái túi |
| 10. nhiều ngôi sao | 23. chiếc thuyền |
| 11. cửa hàng | 24. cửa hàng |
| 12. thường | 25. phía bên trên |
| 13. màu xám | 26. hòn đảo |

27. vào ban đêm

28. ngôi sao

29. bởi vì

30. truyện tranh

31. tuyệt nhất

32. nghịch ngợm

33. đối diện

34. mệt mỏi

35. bất ngờ

36. nổi tiếng

37. có thể

38. con đường

39. xinh đẹp

40. thị trấn

41. cố gắng (làm gì)

42. tức giận

43. món quà

44. thể thao

45. không bao giờ